

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 92/2023 /HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Lê Văn Tánh**.

2/ Ông: **Nguyễn Tiến Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành Lộc** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự.

1/ *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị T**, sinh ngày 02/01/1989; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

2/ *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh V**, sinh ngày 01/01/1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023 và lời khai thể hiện có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:* Do quen biết trước chị Đặng Thị T và anh Lê Thanh V được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào đầu năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Cai Lay nay là thị xã Cai Lay, theo giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 21/11/2012. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tác tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; anh V không lo làm ăn để lo cho vợ con; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh V vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Quốc Cơ, sinh ngày 03/8/2018 và Lê Quốc Nghiệp, sinh ngày 29/12/2020; hiện cháu Cơ và cháu Nghiệp đang sống chung với chị T. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo chị T để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Theo chị T không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Thanh V dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt nguyên đơn chị Đặng Thị T, bị đơn anh Lê Thanh V. Xét thấy, nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh V đã được Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía nguyên đơn chị T, bị đơn anh V.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thị T: yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Thanh V. Xét thấy, chị T vắng mặt tại tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh V, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh V thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh V nhiều lần đến để hòa giải về việc chị T xin ly hôn với anh V. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh V muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh V phải đến Tòa án để gặp chị T, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh V không đến, thể hiện anh V không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị T. Ngoài ra, theo chị T khai giữa chị T và anh V đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay đã gần 02 năm. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh V và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh V.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Quốc Cơ, sinh ngày 03/8/2018 và Lê Quốc Nghiệp, sinh ngày 29/12/2020; hiện cháu Cơ và cháu Nghiệp đang sống chung

với chị T từ khi vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Cơ và cháu Nghiệp hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về mọi mặt và có xác nhận của chính quyền địa phương; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ giao cháu Lê Quốc Cơ và cháu Lê Quốc Nghiệp cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía chị T chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này chị T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị T được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Theo chị T khai để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh V thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này phía anh V và chị T không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Theo chị T khai không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị T, cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh V.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Quốc Cơ, sinh ngày 03/8/2018 và cháu Lê Quốc Nghiệp, sinh ngày 29/12/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị T chưa có yêu cầu; anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0018477 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị T, bị đơn anh Lê Thanh V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã H.TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn